

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 264a/2018/DS-PT

Ngày: 19-10-2018

“Tranh chấp về dân sự -
Quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh:* Ông Nguyễn Tấn Tài

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2018/TLPT-DS ngày 15 tháng 8 năm 2018, về việc “Tranh chấp về dân sự - quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 294/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, Đ.

Người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N là ông Phạm Hoàng Đ- là luật sư của Công ty A Luật sư chi nhánh tỉnh Đ thuộc Đoàn luật sư Thành phố H;

- *Bị đơn:* Đình thần xã M;

Đại diện là ông Trịnh Văn R - Trưởng ban tế tự Đình thần xã M. Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Nguyễn Kim L, sinh năm 1949;

2/ Lê Văn T, sinh năm 1973;

3/ Lê Thuận E, sinh năm 1980;

4/ Lê Hoàng T, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

5/ Lê Thị Yến O, sinh năm 1993;

Người đại diện theo ủy quyền của Yến O là: Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1949; Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

6/ Lê Ngọc D, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh B.

7/ Lê Thị Thúy O, sinh năm 1982;

Đại chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của Thúy O1 là: Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1949; Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

Tạm trú: A7/15/B1, ấp 2, xã B, huyện B, thành phố H.

8/ Lê Văn Đ, sinh năm 1937;

Địa chỉ: Ấp Mỹ H, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

9/ Lê Thị Nô, sinh năm 1942;

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

10/ Lê Ngọc T2, sinh năm 1963;

Địa chỉ: số 304/51, đường số 8, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, thành phố H.

11/ Lê Ngọc G, sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp Mỹ H, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

12/ Lê Văn H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: 410, Chung cư N, phường 9, quận 5, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H là: Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1949; Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

13/ Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đ.

Địa chỉ: khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đ.

Đại diện: Ông Nguyễn Hồng S - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Sự là: Ông Lê Chí Thiện - Chức vụ Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/11/2017).

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn N - là nguyên đơn; Lê Văn T; Nguyễn Kim L; Lê Hoàng T1; Lê Thuận E; Lê Thị Yến O; Lê Ngọc D; Lê Thị Thúy O1; Lê Văn H - là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn ông Lê Văn N trình bày:

Nguồn gốc đất hiện nay đang tranh chấp là của ông Lê Văn T3 là ông nội của ông N, sau khi ông T3 chết thì để lại cho ông Lê Văn D là cha của ông N quản lý sử dụng, diện tích 4.000m². Ngoài diện tích đất này thì ông D cũng có diện tích đất khác. Nhưng ông D chỉ ở trên diện tích đất bên cạnh Đình thần xã M hiện nay. Ông D sử dụng đất từ năm 1945 đến năm 1975 canh tác làm lúa. Đến năm 1980, thì tập đoàn cấp quyền sử dụng đối với diện tích trên cho ông Lê Văn D, chỉ nói miệng chứ không có giấy tờ

gì, ông N cũng không có chứng cứ gì để chứng minh. Khi ông T3 quản lý, sử dụng đất thì đã có Đình thần xã M, diện tích của Đình thần giống như hiện trạng hiện nay.

Đến tháng 5/1994, ông D chết nên để lại phần đất trên cho ông N quản lý, sử dụng không có làm di chúc. Năm 1993, ông N có làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2003, Nhà nước có chủ trương thành lập khu dân cư xã Mỹ Xương thì phần đất này nằm trong diện tích quy hoạch và thu hồi của ông N diện tích đất 555m² thuộc một phần của diện tích đất do ông D để lại, với đơn giá là 35.000 đồng/m² cùng cây cối, kiến trúc có trên đất, bồi thường cho ông N với tổng số tiền là 25.831.000 đồng. Đồng thời, Nhà nước có hỗ trợ tái định cư cho ông N một nền nhà tại khu dân cư xã M. Sau khi được đền bù thành lập khu dân cư xã M thì ông N tiếp tục xin đăng ký quyền sử dụng đất và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tiếp nhận hồ sơ ngày 24/4/2004. Đến ngày 09/12/2009, ông N được Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất thửa 122, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.231m², đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đ. Khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử đất thì ông N có khiếu nại bằng hình thức nói miệng với Phòng tài nguyên và Môi trường huyện C về việc cấp đất còn thiếu (phần diện tích hiện nay đang tranh chấp), chứ ông N không có làm đơn khiếu nại thì được hướng dẫn bằng hình thức viết giấy tay là kêu về xã đăng ký bổ sung. Nhưng khi ông N về xã khiếu nại và đăng ký bổ sung phần đất hiện nay đang tranh chấp thì Ủy ban nhân dân xã không đồng ý và trả lời cho ông N biết vì Đình thần xã M đã đăng ký phần đất nói trên rồi.

Ông N xác định 03 đời gia đình ông đã làm Từ đình của Đình thần xã M và hiện nay ông vẫn đang giữ chức Từ đình, cũng như ông là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất hiện đang tranh chấp từ năm 1994 cho đến nay. Hiện trạng phần đất hiện nay đang tranh chấp trước đây là 01 cái mương sâu khoảng 03m, chiều ngang 13,06m và chiều dài khoảng hơn 30m. Khi làm khu dân cư xã M thì Hợp tác xã khai thác cát và san lấp C có tiến hành san lấp cát, tiền bơm cát này thì ông N không phải trả. Nhưng sau này mặt bằng san lấp thấp hơn so với mặt bằng như hiện trạng hiện nay khoảng 0,5m nên ông N có thuê con rể của ông là anh Văn Văn N1; Địa chỉ: số nhà 502, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh B tiến hành bơm cát thêm để san lấp như hiện trạng mà Tòa án đã xem xét thẩm định ngày 19/7/2017. Tổng cộng, ông N đã thuê anh N1 bơm 15 ghe x 30m³/ghê x 200.000 đồng/m³ = 90.000.000 đồng. Giá cát san lấp này là do ông N tính theo giá thị trường hiện nay.

Ông N xác định quyền sử dụng đất hiện nay đang tranh chấp là của cha của ông chết để lại, ông và các thành viên trong hộ của ông là người quản lý sử dụng, canh tác trên đất. Và ông N xác định chỉ tranh chấp diện tích đất 312m², thuộc thửa số 123, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại ấp M, xã

M, huyện C, tỉnh Đ. Ngoài ra, ông N không tranh chấp diện tích đất nào khác.

Ông N xác định cây trồng hiện nay có trên đất là do ông N trồng.

Ông N thống nhất đồng ý với sơ đồ đo đạc ngày 19/7/2017 (duyet ngày 14/12/2017) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cung cấp và Kết quả định giá của Hội đồng định giá vào ngày 10/8/2017, ngày 13/6/2018. Ông N không có thắc mắc hay khiếu nại gì về sơ đồ đo đạc và kết quả định giá nói trên.

Ông N xác định chữ ký và chữ viết tên Lê Văn N trong biên bản hòa giải ngày 17/3/2008 và biên bản đo đạc ngày 03/10/2007 là chữ ký và chữ viết của ông. Tuy nhiên, ông N trình bày ông không có tham gia buổi hòa giải và đo đạc nói trên, mà do Ủy ban nhân dân xã M đem biên bản vào nhà đưa ông ký thì ông ký chứ ông không biết biên bản gì. Việc ông N không tham gia buổi hòa giải và buổi đo đạc nói trên thì ông N không có chứng cứ gì để chứng minh, cũng không có người chứng kiến và biết sự việc này.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn N yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 123, tờ bản đồ số 06, diện tích đất 312 m², đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đ. Ông N yêu cầu Đình thần M phải giao trả diện tích đất nói trên lại cho ông N và các thành viên trong hộ của ông sử dụng theo quy định của pháp luật.

Đối với giá trị san lấp cát và giá trị cây trồng có trên đất, ông N xác định hiện nay ông không có đủ tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Cho dù Tòa án có công nhận đất của Đình thần xã M thì ông N cũng không yêu cầu Đình thần xã M bồi thường giá trị san lấp cát và giá trị cây trồng có trên đất cho ông trong vụ kiện này. Nếu sau này có tranh chấp thì ông N sẽ tranh chấp bằng một vụ kiện khác.

Về phần định giá đất đang tranh chấp thì ông N thống nhất với kết quả định giá của Công ty trách nhiệm hữu hạn thẩm định giá T; Địa chỉ: 80/7A, đường P, phường 3, thành phố V, tỉnh V. Ông N không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá.

2. Ông Trịnh Văn R là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Đình thần xã M trình bày:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của người dân địa phương hiến đất vào khoảng năm 1830, diện tích đất được hiến thời điểm đó là 4.000m². Sau đó, người dân địa phương mới hùn tiền lại để xây dựng Đình thần xã M trên đất giống như hiện trạng hiện nay. Ngoài diện tích xây dựng Đình thần thì ông Lê Văn D lúc này giữ chức vụ là Từ đình quản lý, canh tác làm ruộng và thu hoa lợi để cúng Đình hàng năm.

Đến năm 1984, Nhà nước trưng dụng diện tích đất của Đình thần xã M để làm kho lương thực, đến năm 1995 thì Nhà nước trả lại đất cho Đình và ông N cất nhà, sử dụng đất bên cạnh Đình cho đến nay. Năm 2003, Nhà nước thu hồi một phần diện tích của Đình để thành lập cụm dân cư xã M với diện

tích là 157m², bồi thường cho Đình số tiền là 5.495.000 đồng. Số tiền bồi thường này được giao cho Ban tế tự Đình thần thời bấy giờ quản lý, sử dụng.

Năm 2008, ông Nguyễn H giữ chức Trưởng ban tế tự Đình thần xã M có khởi kiện ông N và được hòa giải ở địa phương vào ngày 17/3/2008, với kết quả là hòa giải thành. Đến ngày 07/7/2008, Ủy ban nhân dân xã M ra quyết định công nhận hòa giải thành số 64/QĐ-UBND, với nội dung ông N đồng ý giao lại cho Đình thần xã M sử dụng diện tích đất 573m². Từ đó, Đình thần xã M đăng ký quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 123, tờ bản đồ số 06, diện tích đất 573 m², đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

Ông R xác định hiện trạng đất hiện nay đang tranh chấp trước đây có 01 cái mương, nhưng diện tích cụ thể như thế nào thì ông không biết. Khi làm cụm dân cư xã M thì cái mương đã được san lấp bằng cát, nhưng ai san lấp thì ông R không biết. Sau đó, thì có người dân đầu ghe cát ở bên sông của Đình cho Đình 02 ghe cát để bơm san lấp giống như hiện trạng hiện nay. Ông R xác định ông không biết họ tên, địa chỉ cụ thể của người cho 02 ghe cát nói trên.

Tại phiên tòa, ông Ron đại diện Đình thần xã M không đồng ý với yêu cầu của ông Lê Văn N. Vì Đình thần xã M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp.

Trường hợp, Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông N và công nhận quyền sử dụng đất là của Đình thần xã M thì Đình thần đồng ý bồi thường cây trồng có trên đất với giá là 75.000 đồng/bụi chuối x 03 bụi chuối = 225.000 đồng.

Ông R thống nhất đồng ý với sơ đồ đo đạc ngày 19/7/2017 (duyet ngày 14/12/2017) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cung cấp và kết quả định giá của Hội đồng định giá vào ngày 10/8/2017, ngày 13/6/2018. Ông R không có thắc mắc hay khiếu nại gì về sơ đồ đo đạc và kết quả định giá nói trên.

Về phần định giá đất hiện đang tranh chấp thì ông R thống nhất với kết quả định giá của Công ty trách nhiệm hữu hạn thẩm định giá T; Địa chỉ: 80/7A, đường P, phường 3, thành phố V, tỉnh V. Ông R không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Kim L, anh Lê Văn T, chị Lê Ngọc D, anh Lê Thuận E, chị Lê Thị Thúy O1, anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Yến O, anh Lê Văn H cùng trình bày:

Bà Nguyễn Kim L là vợ của ông Lê Văn N. Anh Lê Văn T, chị Lê Ngọc D, anh Lê Thuận E, chị Lê Thị Thúy O1, anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Yến O, anh Lê Văn H là con ruột của ông N và bà L. Nay bà L, anh T, chị D, anh Thuận E, chị Thúy O1, anh T1, chị Yến O, anh H có cùng ý kiến với ông N và giao toàn quyền quyết định cho chồng, cha của mình là ông N giải quyết

tranh chấp đất giữa ông N và Đình thần xã M. Ngoài ra, bà và các anh, chị không có ý kiến gì khác.

Bà Nguyễn Kim L, anh Lê Văn T, chị Lê Ngọc D, anh Lê Thuận E, chị Lê Thị Thúy O1, anh Lê Hoàng T1, chị Lê Thị Yến O, anh Lê Văn H đồng ý với sơ đồ đo đạc ngày sơ đồ đo đạc ngày 19/7/2017 (duyet ngày 14/12/2017) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cung cấp và kết quả định giá của Hội đồng định giá vào ngày 10/8/2017, ngày 13/6/2018; kết quả định giá của Công ty trách nhiệm hữu hạn thẩm định giá T; Địa chỉ: 80/7A, đường P, phường 3, thành phố V, tỉnh V. Bà L, anh T, chị D, anh Thuận E, chị Thúy O1, anh T1, chị Yến O, anh H không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả đo đạc và định giá.

- Lê Thị N2, ông Lê Văn Đ, ông Lê Ngọc G, bà Lê Ngọc T2 cùng trình bày:

Bà N2, ông Đ là con ruột của ông Lê Văn D, ông G và bà T2 là cháu nội của ông D. Bà N2, ông Đ, ông G và bà T2 xác định nguồn gốc đất đang tranh chấp thuộc thửa 123, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đ là của ông Lê Văn T3 quản lý, sử dụng từ trước năm 1900. Đến khoảng trước năm 1945, ông T3 chết để lại cho ông Lê Văn D quản lý, sử dụng. Sau khi ông D chết thì để lại diện tích trên cho ông Lê Văn N quản lý, sử dụng cho đến nay.

Nay bà Lê Thị N2, ông Lê Văn Đ, ông Lê Ngọc G, bà Lê Ngọc T2 xác định diện tích đất hiện nay ông Lê Văn N đang tranh chấp với Đình thần xã M là của ông Lê Văn D đã cho ông Lê Văn N. Cho nên, bà N2, ông Đ, ông G và bà T2 không yêu cầu, cũng không có tranh chấp gì đối với diện tích đất nói trên trong vụ án này.

4. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu trả lại đất của ông Lê Văn N đối với Đình thần xã M.

- Công nhận sự tự nguyện bồi thường giá trị cây trồng có trên đất hiện đang tranh chấp (03 bụi chuối) cho ông Lê Văn N của Đình thần xã M với số tiền là 225.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Ông Lê Văn N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, do ông N thuộc trường hợp được miễn tiền án phí. Hoàn trả lại cho ông N số tiền tạm

ứng án phí đã nộp 7.100.000 đồng theo biên lai số 15539 ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Đình thần xã M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Ông Lê Văn N phải nộp 5.962.206 đồng, ông đã nộp xong.

5. Sau khi xét xử sơ thẩm, Lê Văn N; Lê Văn T; Nguyễn Kim L; Lê Hoàng T1; Lê Thuận E; Lê Thị Yến O; Lê Ngọc D; Lê Thị Thúy O1; Lê Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

- Ông N, bà L, anh T, anh Thuận E, anh T1, chị Yến O, chị D, chị Thúy O1, anh H yêu cầu cấp phúc thẩm buộc Đình thần xã M trả cho hộ ông Lê Văn N phần đất diện tích 312m², thuộc một phần thửa số 123, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

- Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 312m², thuộc một phần thửa số 123, tờ bản đồ số 06 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Đình thần xã M vào ngày 06/10/2012.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N, giữ y quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Văn N đối với bị đơn là Đình thần xã M về diện tích đất do Đình thần xã M được cấp quyền sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là Tranh chấp quyền sử dụng đất, phù hợp với quy định tại khoản 5 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Phần diện tích đất mà các đương sự đang có tranh chấp tọa lạc tại xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh nên Tòa án huyện C thụ lý, giải quyết là phù hợp với khoản 1 điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn N và các thành viên trong hộ gồm: Lê Văn T; Nguyễn Kim L; Lê Hoàng T1; Lê Thuận E; Lê Thị Yến O; Lê Ngọc D; Lê Thị Thúy O1; Lê Văn H về việc không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm; yêu cầu cấp phúc thẩm xác định phần đất diện tích 312m²,

thuộc một phần thửa số 123, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đ thuộc quyền sử dụng của hộ ông Lê Văn N; đề nghị hủy một phần trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Đình thần xã M để cấp lại cho hộ ông N.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự thì chứng minh được phần đất đang có tranh chấp có nguồn gốc là của người dân địa phương hiến đất vào khoảng năm 1830, diện tích đất được hiến thời điểm đó là 4.000m². Sau đó, người dân địa phương mới hùn tiền lại để xây dựng Đình thần xã M trên đất giống như hiện trạng hiện nay. Do đó, việc ông N trình bày nguồn gốc đất là của ông T3 (ông nội của ông N) để lại là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, như ông N trình bày vào năm 1980, khi tập đoàn cấp đất lại cho ông D (ba của ông N) thì trên đất đã có xây dựng Đình thần rồi, như vậy, không có căn cứ để xác định phần đất đang có tranh chấp là của hộ ông N;

- Trong quá trình sử dụng đất thì vào năm 2008 giữa Đình thần xã M và bên ông Lê Văn N có xảy ra tranh chấp; Ủy ban nhân dân xã M đã tiến hành hòa giải, ông N đồng ý giao lại cho Đình thần xã M diện tích 573m² để Đình thần xã M quản lý, sử dụng. Căn cứ vào kết quả hòa giải thành, ông N đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2009 với diện tích 1.231m² tại thửa 122, tờ bản đồ số 6; Đình thần xã M được cấp quyền sử dụng đất vào năm 2012 với diện tích 573m², thửa 123, tờ bản đồ số 6. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định diện tích đất được sử dụng của mỗi bên. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bên ông N còn đưa ra chứng cứ là bản photo biên bản hòa giải vào năm 1999; nhưng biên bản hòa giải này không có nội dung cụ thể, rõ ràng và cũng không có bản chính hoặc có chứng thực để làm chứng cứ chứng minh. Đồng thời, bên ông N còn nại ra việc biên bản hòa giải vào năm 2008 không có chữ ký của những thành viên trong hộ. Hội đồng xét xử xét thấy, về mặt chứng cứ thì ông N phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình, còn về việc biên bản hòa giải năm 2008 không có chữ ký của các thành viên trong hộ là thời điểm này cả bên Đình thần xã M và bên ông N đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc xác định hộ là chưa đủ cơ sở.

Từ những phân tích trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N và các thành viên trong hộ của ông N;

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N và các thành viên trong hộ ông N nên ông N và các thành viên trong hộ ông N phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Nhưng do ông N thuộc diện không phải

nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nên ông N được miễn nộp án phí phúc thẩm.

- Xét lời trình bày và đề nghị quan điểm của luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích cho ông N là chưa phù hợp nên không được chấp nhận;
 - Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp;
- Vì các lẽ trên;*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 điều 26, khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 203 Luật đất đai; Điều 651 Bộ luật dân sự; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn N và các thành viên trong hộ gồm Lê Văn T; Nguyễn Kim L; Lê Hoàng T1; Lê Thuận E; Lê Thị Yến O; Lê Ngọc D; Lê Thị Thúy O1; Lê Văn H;

2. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C:

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N đối với Đình thần xã M.

- Công nhận sự tự nguyện bồi thường giá trị cây trồng có trên đất hiện đang tranh chấp (03 bụi chuối) của Đình thần xã M cho ông Lê Văn N với số tiền là 225.000 đồng.

- Về án phí:

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, do ông N thuộc trường hợp được miễn tiền án phí. Hoàn trả lại cho ông N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.100.000 đồng theo biên lai số 15539 ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Đình thần xã M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

+ Về án phí phúc thẩm:

Nguyễn Kim Liên; Lê Văn Thuận; Lê Văn Hòa; Lê Thuận Em; Lê Hoàng Tiến; Lê Ngọc Dung; Lê Thị Yến Oanh; Lê Thị Thúy Oanh; mỗi người phải nộp 300.000đ tiền án phí phúc thẩm; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0000517; 0000516; 0000515; 0000514; 0000513; 0000512; 0000511; 0000510 ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

+ Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:

Ông Lê Văn N phải nộp 5.962.206 đồng (số tiền này ông N đã nộp và đã chi xong).

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. Cao Lãnh;
- Chi cục THADS H. Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh